

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 490/TTr-STNMT ngày 14 tháng 11 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Website tỉnh An Giang;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phòng: KTN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Quang Thi

QUY ĐỊNH

Về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, bảo vệ môi trường trong giai đoạn lập dự án đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh; bảo vệ môi trường trong khu đô thị, khu dân cư và nơi công cộng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Những nội dung không nêu tại Quy định này được thực hiện theo Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (kể cả các cơ quan, đơn vị Trung ương, tổ chức và cá nhân nước ngoài) đang sinh sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Chương II

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 3. Nguyên tắc bố trí dự án đầu tư

1. Khuyến khích tất cả các dự án sản xuất đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật phù hợp với ngành nghề sản xuất, bảo đảm giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường xung quanh.

2. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiếp nhận dự án phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành ổn định và đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3. Các dự án sản xuất khi đầu tư ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ môi trường và quy hoạch xây dựng. Đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường và sức chịu tải của môi trường.

b) Đảm bảo khoảng cách ly an toàn về vệ sinh môi trường đối với khu dân cư và công trình khác theo quy định.

4. Các dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản khi đầu tư phải phù hợp với quy hoạch chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản. Đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường và sức chịu tải của môi trường.

a) Các dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi thủy sản ao hầm phải có đủ diện tích để bố trí nơi chứa chất thải và hệ thống xử lý chất thải phù hợp với quy mô chăn nuôi.

b) Các dự án nuôi thủy sản trên sông, kênh, rạch phải đảm bảo các điều kiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nuôi thủy sản.

5. Không bố trí dự án sản xuất, chăn nuôi trong khu dân cư; vùng sạt lở, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với con người; vùng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quá sức chịu tải môi trường; trong phạm vi bán kính 1.000m đối với các khu bảo tồn, di tích văn hóa, khu lưu niệm.

6. Trong trường hợp đặc biệt, cần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. Dự án bắt buộc phải bố trí tập trung vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Các dự án trong Phụ lục 1 Kèm theo Quy định này bắt buộc phải bố trí tập trung vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Điều 5. Dự án có thể bố trí ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Các dự án ngoài Phụ lục 1 Kèm theo Quy định này có thể bố trí ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Điều 6. Dự án không kêu gọi, thu hút đầu tư

Các dự án có khả năng gây sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các dự án trong Phụ lục 2 Kèm theo Quy định này thì không kêu gọi, thu hút đầu tư.

Điều 7. Đánh giá tác động môi trường

Các dự án phải được đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá tác động môi trường, việc thực hiện những nội dung đã cam kết về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận.

Điều 8. Các quy định bảo vệ môi trường trong giai đoạn lập dự án đầu tư đối với một số lĩnh vực đặc thù

1. Các dự án có hoạt động khai thác nước mặt, khai thác và sử dụng nước dưới đất phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phải xin cấp giấy phép khai

thác, sử dụng nước mặt; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định về quản lý tài nguyên nước.

2. Các dự án có hoạt động xả nước thải vào các nguồn tiếp nhận phải lập hồ sơ xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định về quản lý tài nguyên nước, trừ trường hợp xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

3. Đối với các dự án khai thác khoáng sản

a) Xây dựng kế hoạch và thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình khai thác khoáng sản trình cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định.

Chương III

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

Điều 9. Quy định bảo vệ môi trường chung của cơ sở sản xuất, kinh doanh

1. Phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Trường hợp các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã đi vào vận hành chính thức nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thì phải lập đề án bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận hoặc đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt, xác nhận.

3. Dự án thuộc đối tượng phải xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định thì chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường gửi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

4. Có biện pháp giảm thiểu, thu gom và xử lý chất thải (chất thải rắn, chất thải lỏng, bụi, khí thải) đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi

trường; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí thải, hơi, khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động.

5. Phải bố trí điểm tạm lưu giữ chất thải rắn tại cơ sở trước khi được vận chuyển đi xử lý; ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với các đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn; quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định.

6. Có kết cấu hạ tầng thoát nước mưa và nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

a) Đối với các cơ sở nằm trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Nước thải phải được xử lý theo điều kiện ghi trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

b) Đối với các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trường hợp cơ sở nằm trong khu vực có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì tuân thủ các quy định của tổ chức quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung.

7. Có trang thiết bị và nguồn lực đảm bảo đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

8. Tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường định kỳ theo quy định.

9. Nộp thuế môi trường và phí bảo vệ môi trường theo quy định.

10. Các cơ sở sản xuất có công nghệ cũ, lạc hậu, phát sinh nhiều chất thải, gây ô nhiễm môi trường phải đổi mới công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, hạn chế phát thải, không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 10. Các trường hợp cơ sở đang hoạt động phải di dời

1. Các cơ sở nằm trong khu đô thị, khu dân cư thuộc một trong các trường hợp sau phải di dời:

a) Các cơ sở không đảm bảo khoảng cách ly an toàn về vệ sinh môi trường có tác động đối với khu dân cư: Cơ sở có chất dễ cháy, dễ gây nổ; Có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh; Có chất độc hại đối với sức khỏe con người; Phát tán bụi, tiếng ồn, mùi ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người.

b) Các cơ sở thuộc loại hình bắt buộc bố trí trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 4 Quy định này và gây ô nhiễm môi trường.

c) Cơ sở nằm trong danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các cơ sở không nằm trong khu đô thị, khu dân cư thuộc các trường hợp sau phải di dời:

a) Không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường và quy hoạch xây dựng.

b) Không đảm bảo khoảng cách ly an toàn về vệ sinh môi trường, nằm trong hành lang bảo vệ nguồn nước.

c) Cơ sở nằm trong danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Nguyên tắc di dời cơ sở đang hoạt động

1. Ưu tiên di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; nằm trong khu đô thị, khu dân cư gây ô nhiễm môi trường; không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường và quy hoạch xây dựng.

2. Quá trình di dời phải kết hợp đổi mới công nghệ; đảm bảo vấn đề môi trường, tránh việc di dời ô nhiễm từ nơi này đến nơi khác; các cơ sở di dời được hưởng chính sách theo quy định.

3. Địa điểm tiếp nhận các cơ sở di dời:

a) Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đối với các loại hình bắt buộc vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Trong đó ưu tiên di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp cùng địa bàn.

b) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch xây dựng và sức chịu tải của môi trường đối với các loại hình có thể bố trí ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy định tại Điều 5 Quy định này. Các trường hợp đặc biệt vì lý do ngành nghề đặc thù hoặc khách quan không thể di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì tùy trường hợp cụ thể Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định di dời cơ sở đang hoạt động

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định di dời đối với tất cả các cơ sở trên địa bàn tỉnh, trừ trường hợp các cơ sở thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Trách nhiệm các sở, ngành đối với việc di dời cơ sở đang hoạt động

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Xác lập tiêu chí các đối tượng gây ô nhiễm môi trường phải di dời ra khỏi các khu dân cư, đô thị.

b) Phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố điều tra, thống kê các cơ sở sản xuất phải di dời; tổng hợp danh sách các cơ sở sản xuất phải di dời; xây dựng Kế hoạch xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo thực hiện; ban hành trình tự, thủ tục, hồ sơ và điều kiện để được xem xét, hưởng các chính sách hỗ trợ; thành lập các tổ chuyên viên tư vấn hỗ trợ cho các cơ sở thuộc đối tượng phải di dời lập dự án chuyển đổi ngành nghề sản xuất để được hỗ trợ.

3. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư và tiếp nhận các cơ sở thuộc đối tượng phải di dời.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chính sách chung về hỗ trợ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các đối tượng có khả năng gây ô nhiễm môi trường phải di dời ra khỏi khu dân cư, khu đô thị,...

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối ngân sách để đảm bảo kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở thuộc đối tượng phải di dời.

6. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và chủ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố các khu công nghiệp tiếp nhận các cơ sở thuộc đối tượng phải di dời.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố

a) Tổ chức công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các cơ sở thuộc đối tượng phải di dời thực hiện việc di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất đúng theo kế hoạch đề ra.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp sử dụng hiệu quả quỹ đất hiện hữu của các cơ sở thuộc đối tượng phải di dời.

Chương IV

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ VÀ NƠI CÔNG CỘNG

Điều 14. Bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày

Trong sinh hoạt hàng ngày, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm:

1. Về quản lý rác thải sinh hoạt:

a) Mỗi hộ gia đình phải có dụng cụ, thiết bị phù hợp chứa rác thải sinh hoạt.

b) Phân loại rác thải sinh hoạt vào các dụng cụ, thiết bị phù hợp, đảm bảo không bị rò rỉ, phát tán ra môi trường.

c) Thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt đúng vị trí quy định của địa phương để Tổ chức làm dịch vụ vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển, xử lý; hoặc đổ thải đúng nơi quy định. Đối với những khu vực chưa có đơn vị thu gom rác thải, mỗi hộ gia đình phải tự xử lý với các hình thức phù hợp đảm bảo vệ sinh (chôn lấp, đốt, ủ phân compost,...).

d) Nộp phí vệ sinh môi trường đầy đủ, đúng hạn.

đ) Tăng cường tái chế, tái sử dụng rác thải sinh hoạt.

2. Không vứt, đổ rác thải, nước thải ra lòng đường, vỉa hè, sông, suối, ao hồ, đầm, kênh mương, đồng ruộng và nơi công cộng.

3. Không gây tiếng ồn, độ rung quá mức cho phép gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh, đặc biệt trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

4. Không tập kết các loại vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, hàng hóa trên lòng đường, vỉa hè, nơi công cộng gây cản trở giao thông, gây ô nhiễm môi trường.

5. Không được lấn chiếm, xây dựng trái phép công trình, nhà ở, công trình nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên mặt nước hoặc trên bờ tiếp giáp mặt nước hồ, ao, kênh, mương, rạch. Khi phát hiện nước sông có dấu hiệu bất thường, bị ô nhiễm phải có thông báo kịp thời tới các cơ quan chức năng.

6. Khi phát hiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xả thải làm tác động xấu đến môi trường, hộ gia đình, cá nhân phát hiện có trách nhiệm:

a) Đề nghị hộ gia đình, cá nhân xả thải chấm dứt ngay hành vi xả thải và khắc phục hậu quả (nếu có);

b) Phản ánh đến khóm, ấp, ban tự quản hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

7. Hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm:

a) Chấm dứt hành vi gây ô nhiễm môi trường, khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại (nếu có) do hành vi gây ô nhiễm môi trường gây ra cho cộng đồng.

b) Nộp phạt theo quy định của pháp luật và quy ước, hương ước của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Điều 15. Thực hiện lối sống thân thiện với môi trường, trong sinh hoạt hàng ngày

1. Sử dụng các loại bao gói dễ phân hủy trong tự nhiên, các sản phẩm có gắn nhãn sinh thái, sản phẩm thân thiện với môi trường; sản phẩm tiết kiệm năng lượng; thực hiện tiêu dùng ít phát sinh rác thải; hạn chế sử dụng bao bì nilon khó phân hủy.

2. Vận động gia đình và cộng đồng tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường tại khóm, ấp, khu dân cư do chính quyền và các tổ chức đoàn thể phát động.

3. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy ước, hương ước của địa phương.

4. Sử dụng tối đa diện tích đất trong khuôn viên gia đình để trồng cây xanh.

Điều 16. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân quản lý nơi công cộng

1. Tuyên truyền, giáo dục, vận động và nhắc nhở đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Chấp hành việc kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường; thực hiện việc nộp thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm nguồn lực cho hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng quy định về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường phù hợp với đặc thù của nơi công cộng và niêm yết tại lối vào và những nơi dễ quan sát.

5. Xây dựng phương án, chuẩn bị phương tiện và các điều kiện cần thiết để ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra; tích cực phối hợp với các cơ quan hữu quan và tuân thủ sự điều hành của cơ quan có thẩm quyền để khắc phục hậu quả do sự cố môi trường gây ra.

6. Đặt các thiết bị thu gom, phân nguồn rác thải hợp lý bảo đảm mỹ quan và tiện lợi; bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý hoặc hợp đồng với các đơn vị có chức năng, năng lực thu gom, xử lý chất thải để thực hiện đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

7. Xây dựng khu vệ sinh công cộng tại vị trí phù hợp, thu gom và xử lý nước thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

8. Bố trí cán bộ (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) có kiến thức, nghiệp vụ về bảo vệ môi trường theo dõi tình hình môi trường và việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường nơi công cộng.

9. Thường xuyên theo dõi tình hình môi trường tại nơi công cộng, kịp thời phát hiện các hiện tượng suy thoái, ô nhiễm, sự cố môi trường tại nơi công cộng, thông báo ngay cho cơ quan có trách nhiệm, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn ngừa và khắc phục hậu quả trong phạm vi quyền hạn quản lý.

10. Thực hiện các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng công an, đơn vị quản lý trật tự nơi công cộng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường nơi công cộng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác.

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bảo vệ môi trường nơi công cộng

1. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh, bảo vệ cảnh quan môi trường, không có những hành vi làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan nơi công cộng; tuân thủ hướng dẫn, quy định bảo vệ môi trường nôm nết tại nơi công cộng.

2. Đổ, bỏ rác thải vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi tập trung rác thải đã được quy định; xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải.

3. Không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng; không vứt, thải, bỏ đầu, mẩu và tàn thuốc lá, xác động vật chết và vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định.

4. Không chặt, bẻ cành cây hoặc có hành vi khác phá hoại cây cối, các thảm thực vật tại khu vực công cộng.

5. Không được phát tán khí thải, tiếng ồn vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh.

6. Tham gia các phong trào bảo vệ môi trường, tuyên truyền, vận động mọi người cùng chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng; sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường.

7. Kịp thời phản ánh với người có trách nhiệm tại nơi công cộng những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm của Tổ chức làm dịch vụ vệ sinh môi trường

1. Chuẩn bị các điều kiện về dụng cụ, phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và an toàn. Không để chất thải rơi vãi, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

2. Định kỳ thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt từ các điểm tập kết, các đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng đến nơi xử lý của địa phương theo đúng hợp đồng thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

3. Phổ biến, tuyên truyền và yêu cầu các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành quy định về thời gian, địa điểm tập kết chất thải sinh hoạt.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện theo phân cấp trách nhiệm quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

b) Chủ trì hướng dẫn chi, tổng hợp kinh phí, thẩm định kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp môi trường hàng năm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

c) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trao tặng Giải thưởng môi trường trên địa bàn tỉnh.

d) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện các chương trình, kế hoạch liên tịch với các sở, ban, ngành.

đ) Hướng dẫn và thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh.

g) Thiết lập và duy trì đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

h) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị, thành phố tổ chức rà soát kết quả xử lý các khu, điểm, cơ sở ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đồng thời cập nhật, bổ sung đưa ra khỏi danh mục đã hoàn thành xử lý và bổ sung mới danh mục để có lộ trình xử lý phù hợp.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối vốn đầu tư phát triển thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Bảo vệ môi trường 2014, bao gồm: Chi cho các dự án xây dựng, cải tạo công trình xử lý chất thải, xây dựng và trang bị trạm quan trắc và phân tích môi trường do Nhà nước quản lý; đầu tư phương tiện, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; ứng phó biến đổi khí hậu; bảo tồn đa dạng sinh học; cải tạo nguồn nước bị ô nhiễm, trồng và chăm sóc cây xanh nơi công cộng, khu vực công ích.

b) Đảm bảo nội dung các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm.

c) Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Đảm bảo nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Luật Bảo vệ môi trường 2014.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự toán kinh phí kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các loại phí, lệ phí về lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh.

d) Huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức hợp tác quốc tế, xã hội hóa trong bảo vệ môi trường.

4. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quản lý, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Phối hợp xây dựng kế hoạch rà soát các khu, điểm, cơ sở ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp (nhất là sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản và chăn nuôi gia súc, gia cầm) và lộ trình thực hiện khắc phục, di dời; khắc phục sự cố môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố có liên quan thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

d) Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp.

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp.

e) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm và 05 năm; Xây dựng Quy định bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành.

5. Trách nhiệm của Sở Công thương:

a) Thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Công thương về Quy định về Bảo vệ môi trường ngành Công thương.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

c) Phối hợp xây dựng kế hoạch rà soát các khu, điểm, cơ sở ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực công thương và lộ trình thực hiện khắc phục, di dời; khắc phục sự cố môi trường các cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế khuyến khích các đơn vị đầu tư dự án phát triển ngành công nghiệp môi trường, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển cụm công nghiệp và chiến lược phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

đ) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường lĩnh vực công thương trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm và 05 năm; Xây dựng Quy định bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành.

e) Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

6. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường đối với các hoạt động trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Chịu trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; gắn kết chặt chẽ yêu cầu bảo vệ môi trường vào các quy hoạch, thiết kế, xây dựng đô thị. Thực hiện đúng Quy định bảo vệ môi trường của ngành xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành và pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá ô nhiễm không khí, nước, đất, tiếng ồn, độ rung tại các công trình xây dựng và hướng dẫn triển khai các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

d) Triển khai các chương trình cải tạo các kênh rạch, các trục thoát nước; trạm xử lý nước thải tập trung cho các đô thị.

đ) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động thoát nước, xử lý nước thải; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; cây xanh và nghĩa trang.

e) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm và 05 năm; Xây dựng Quy định bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành.

7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường đối với các hoạt động giao thông trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, bến xe, bến tàu theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải và pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Tăng cường việc kiểm tra xả khí thải, ồn, rung do các phương tiện giao thông gây ra; các phương tiện vận chuyển đặc biệt là vận chuyển vật liệu xây dựng, hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa và vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông.

d) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường lĩnh vực giao thông trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm và 05 năm; Xây dựng Quy định bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành.

8. Trách nhiệm của Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp các ngành, các cấp liên quan tổ chức các hoạt động tuyên truyền; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với cơ sở y tế, quy định quản lý chất thải y tế.

b) Tổ chức triển khai pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động mai táng và hỏa táng.

c) Phối hợp xây dựng kế hoạch rà soát các khu, điểm, cơ sở ô nhiễm môi trường các cơ sở y tế và lộ trình thực hiện khắc phục, di dời; khắc phục sự cố môi trường các cơ sở y tế thuộc trách nhiệm quản lý.

d) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm và 05 năm; Xây dựng Quy định bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành.

9. Trách nhiệm của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì, phối hợp các ngành, các cấp liên quan tổ chức các hoạt động tuyên truyền; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, thực hiện bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hoá, du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm và 05 năm; Xây dựng Quy định bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành.

10. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho học sinh các cấp, giáo viên và giảng viên.

b) Tổ chức phát động và triển khai các chiến dịch cho học sinh về chủ đề bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

11. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng, giới thiệu và chuyển giao công nghệ về bảo vệ môi trường.

b) Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh trước khi quyết định chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư. Đánh giá, giám định các thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ nhập vào địa bàn tỉnh.

c) Quản lý kiểm soát hoạt động về an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh.

d) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có sáng kiến và áp dụng các giải pháp công nghệ trong bảo vệ môi trường.

12. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý môi trường trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc quyền quản lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

c) Công khai thông tin về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc quyền quản lý.

13. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ cấp huyện đến cấp xã.

14. Trách nhiệm của Công an tỉnh:

a) Có trách nhiệm huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng chống tội phạm về môi trường và bảo đảm an ninh trật tự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

c) Tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh theo thẩm quyền.

15. Trách nhiệm của Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang và Báo An Giang

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đưa tin, bài phản ánh tấm gương tiêu biểu của tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường, đồng thời đăng tải các hành vi của tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Xây dựng chuyên mục về công tác bảo vệ môi trường.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- a) Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường;
- b) Bố trí cán bộ chuyên môn làm công tác bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý môi trường trên địa bàn quản lý; khuyến khích, tạo điều kiện thành lập tổ tự quản về môi trường;
- c) Dành ít nhất 1% trong tổng chi ngân sách huyện, bố trí và sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn vốn sự nghiệp môi trường; cân đối bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường cho các xã;
- d) Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội dài hạn, trung hạn, hàng năm của địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình công tác quản lý nhà nước về môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.
- đ) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm; rà soát các khu, điểm, cơ sở ô nhiễm môi trường trên địa bàn và lộ trình xử lý, khắc phục hoặc di dời; phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giải quyết và khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn.
- e) Không để phát sinh các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn khi đi vào hoạt động mà không có thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường.

g) Kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm của các dự án trên địa bàn.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- a) Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường.
- b) Bố trí cán bộ hợp đồng làm công tác bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý môi trường trên địa bàn.
- c) Kiểm tra, giám sát và phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường, vận hành thử nghiệm của các dự án, giải quyết và khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn.
- d) Tổ chức các phong trào về bảo vệ môi trường, hoạt động vệ sinh môi trường tại các khu dân cư trên địa bàn theo định kỳ hàng tháng huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân.
- đ) Thu phí vệ sinh môi trường của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn hoặc ủy quyền cho các tổ chức làm dịch vụ môi trường.
- e) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn.
- g) Ký hợp đồng thuê, khoán dịch vụ thu gom, xử lý rác thải với tổ chức làm dịch vụ môi trường trên địa bàn và kiểm tra việc thực hiện.

h) Chủ trì, phối hợp cùng với chủ dự án đầu tư tổ chức họp tham vấn cộng đồng nơi chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

i) Niêm yết công khai kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 21. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang và các cơ quan đoàn thể

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đơn vị thành viên tham gia bảo vệ môi trường.

Điều 22. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Các sở, ngành theo lĩnh vực quản lý có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường đã được quy định tại Điều 19 của Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố chủ trì tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của các hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý cấp huyện khi được ủy quyền.

4. Số lần kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường nhiều nhất là một (01) lần trong năm đối với một cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trừ trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 23. Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và phải khắc phục ô nhiễm, bồi thường thiệt hại theo quy định; hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Cán bộ công chức, viên chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định pháp luật; trường hợp gây thiệt hại thì còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thanh tra, kiểm tra xử lý kịp

thời các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có các hoạt động gây ô nhiễm môi trường.

Điều 24. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có quyền tố cáo, phản ánh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Tòa án về hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền nhận được đơn tố cáo, phản ánh có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Khen thưởng về bảo vệ môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thì được khen thưởng, hưởng cơ chế khuyến khích ưu đãi theo quy định của pháp luật và theo quy định khác của tỉnh.

2. Hàng năm, căn cứ vào thành tích bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân và căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xét khen tặng các giải thưởng môi trường.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, tổ chức chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Quy định này.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện thực tiễn hoặc có sự điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về môi trường từ Trung ương, Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì; phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Quang Thi

PHỤ LỤC 1

Danh mục dự án bắt buộc bố trí vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp

(Kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang)

1. Ngành hóa chất: sản xuất hóa chất cơ bản, sản xuất pin, ắc quy, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất làm lạnh, phèn, chất tẩy rửa, thuốc nhuộm, sơn, sản xuất phân bón các loại, sản xuất, sang chiết khí hóa lỏng (CO₂, O₂, N₂, CH₄...).
2. Ngành tái chế chất phế thải: Giấy, nhựa, kim loại, dầu nhớt cặn, lông gà vịt.
3. Ngành tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan, ngành dệt có sử dụng thuốc nhuộm.
4. Ngành chế biến mũ cao su, luyện cán cao su, sản xuất các sản phẩm từ cao su.
5. Ngành thuộc da, muối, ướp da động vật.
6. Ngành xi mạ điện.
7. Ngành gia công cơ khí: rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn, sản xuất phôi thép, sản xuất thép, cán tôn, dệt lưới B40.
8. Ngành in, tráng bao bì kim loại.
9. Ngành sản xuất bột giấy.
10. Ngành sản xuất, gia công đồ nhựa các loại (ống nước, bao bì...).
11. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất gạch ngói, sản xuất gốm sứ, thủy tinh, gia công cắt gạch ốp lát.
12. Ngành chế biến gỗ, lâm sản, dược liệu.
13. Ngành sản xuất chế biến thực phẩm, nông thủy hải sản, chế biến tinh bột sắn, sản xuất thức ăn gia súc gia cầm, thức ăn thủy sản, sản xuất đường kết tinh.
14. Ngành sản xuất cồn, rượu quy mô công nghiệp, bia, nước giải khát.
15. Ngành chế biến than.
16. Ngành sản xuất thuốc lá.
17. Ngành nghề có sử dụng chất phóng xạ và phát sinh chất thải phóng xạ.
18. Ngành nghề chế biến, sơ chế phụ phẩm thủy hải sản.

PHỤ LỤC 2

Danh mục dự án không kêu gọi, thu hút đầu tư

(Kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang)

1. Dự án đầu tư sản xuất giấy từ nguyên liệu thô, thuộc da, dệt nhuộm, gia công xi măng.
2. Dự án đầu tư sản xuất thuốc lá.
3. Dự án sản xuất kim loại nặng (gang, thép...).
4. Dự án sản xuất hóa chất nguy hiểm, điện hạt nhân, nhiệt điện than.
5. Dự án sản xuất nước sơn, sản xuất bột giấy, sản xuất ốc quy, chế biến tinh bột sắn.
6. Dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nặng kể cả trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp.